

GIAO LƯU VĂN HÓA Ở NAM BỘ VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ TRONG SỰ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VIỆT NAM

Trần Ngọc Thêm

Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT: Bài viết mở đầu bằng việc bổ sung một số khái niệm nền tảng dùng làm cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu giao lưu văn hóa như mức độ giao lưu (mạnh / yếu), các điều kiện cho độ mở của một nền văn hóa, cấu trúc sức mạnh của một nền văn hóa (sức mạnh vật chất, sức mạnh tinh thần),... Cơ sở thực tiễn là thế mạnh và đặc điểm trong giao lưu văn hóa của ba miền (Việt Nam) cùng những đặc điểm về chủ thể, không gian và thời gian của văn hóa Nam Bộ.

Trong bối cảnh Việt Nam đang nằm trong giai đoạn chuyển tiếp từ văn hóa nông thôn sang văn hóa đô thị, từ văn hóa nông nghiệp sang văn hóa công nghiệp, văn hóa Nam Bộ có khá nhiều ưu thế. Giao lưu văn hóa ở Nam Bộ giúp phát triển các sức mạnh vật chất, đặc biệt là trong các lĩnh vực văn hóa giao thông và kinh tế; giao lưu văn hóa ở Nam Bộ còn giúp phát triển sức mạnh tinh thần trong các lĩnh vực văn hóa tổ chức, văn hóa giáo dục, văn hóa giao tiếp, văn hóa ứng xử, ...

Về một số mặt, văn hóa Nam Bộ có thể coi là là mắt xích trung gian giữa văn hóa Việt Nam truyền thống và văn hóa phương Tây. Với ý nghĩa đó, văn hóa Nam Bộ và sự giao lưu văn hóa ở Nam Bộ lâu nay đã đóng vai trò của một nhân tố thúc đẩy và tăng cường tính hiệu quả trong sự phát triển và hiện đại hóa văn hóa truyền thống Việt Nam.

Từ khóa: giao lưu văn hóa, Nam Bộ, phát triển văn hóa Việt Nam.

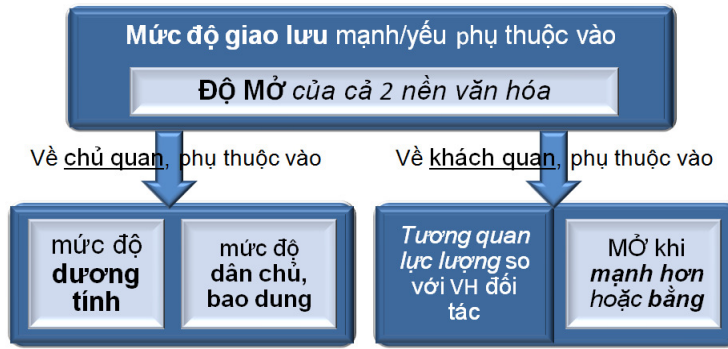
1. Cơ sở lý luận và đặc điểm giao lưu văn hóa ở Nam Bộ

1.1. Tiếp xúc văn hóa thường dẫn đến giao lưu, nhưng mức độ giao lưu mạnh/yếu phụ thuộc vào độ mở của cả hai nền văn hóa. Độ mở của mỗi nền văn hóa phụ thuộc vào hai yếu tố chủ quan và khách quan.

Về mặt chủ quan, độ mở của một nền văn hóa phụ thuộc vào mức độ dương tính và mức độ dân chủ, bao dung của nền văn hóa đó. Văn hóa dương tính thì hướng ngoại và dễ dàng tiếp nhận yếu tố ngoại lai hơn văn hóa âm tính. Một nền văn hóa sẽ là dương tính trong hai trường

hợp: hoặc đó là một nền văn hóa mạnh, hoặc chủ thể của nền văn hóa đó là những con người (cộng đồng) dương tính. Văn hóa dân chủ, bao dung thì dễ chấp nhận, dễ chung sống với cái khác mình hơn văn hóa độc tôn, hẹp hòi.

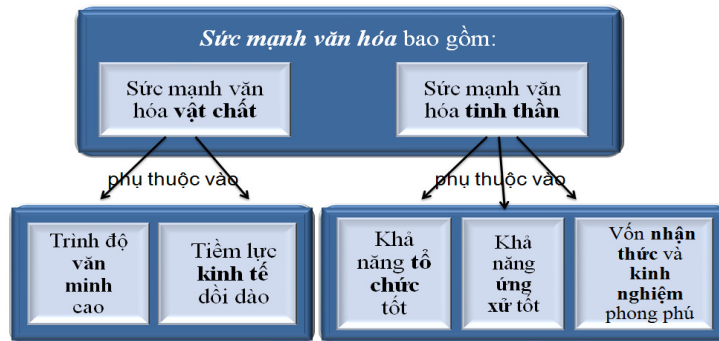
Về mặt khách quan, độ mở của một nền văn hóa phụ thuộc vào tương quan lực lượng so với nền văn hóa đối tác. Một nền văn hóa sẽ MỎ khi nó mạnh hơn hoặc bằng nền văn hóa đối tác. Nó sẽ có xu hướng ĐÓNG để tự vệ khi nó thấy mình yếu hơn. Cấu trúc của giao lưu văn hóa trình bày trong hình 1.



Hình 1. Cấu trúc của giao lưu văn hóa (Trần Ngọc Thêm 2012)

Xét trong tương quan, các nền văn hóa không có cao-thấp, nhưng có mạnh-yếu. *Sức mạnh* mà một nền văn hóa có được có thể là do nó có *trình độ văn minh* cao, hoặc có *tiềm lực kinh tế* dồi dào (hai nguồn gốc này tạo nên *sức mạnh văn hóa vật*

chất); cũng có thể là do nó có *khả năng tổ chức* tốt, *khả năng ứng xử* tốt, *vốn nhận thức* và *kinh nghiệm* phong phú (ba nguồn gốc này tạo nên *sức mạnh văn hóa tinh thần*). Cấu trúc của sức mạnh văn hóa trình bày trong hình 2.



Hình 2. Cấu trúc của sức mạnh văn hóa (Trần Ngọc Thêm 2012)

Giao lưu văn hóa không nhất thiết phải dẫn đến phát triển văn hóa. *Giao lưu văn hóa chỉ dẫn đến phát triển khi nền văn hóa đối tác mạnh hơn về một hoặc một số mặt nào đó.*

1.2. Ba miền Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ, mỗi miền đều có những đặc điểm và những thế mạnh riêng trong giao lưu văn hóa. Thế mạnh của Bắc Bộ là giao lưu với văn hóa Trung Hoa và đặc điểm chủ yếu là giao lưu từ đầu công nguyên, trong thế bị động và kéo dài. Thế mạnh của Trung

Bộ là giao lưu với văn hóa Chăm và đặc điểm chủ yếu là giao lưu từ thời Đại Việt, về cơ bản là trong thế chủ động. Thế mạnh của Nam Bộ là giao lưu với văn hóa Khmer, Hoa, phương Tây; đặc điểm chủ yếu là ngay từ khi hình thành đã giao lưu một cách bình đẳng với văn hóa Khmer, Hoa, và muộn hơn một chút, trong thế bị động – với văn hóa phương Tây (xem Bảng 1).

Bảng 1. Thế mạnh và đặc điểm trong giao lưu văn hóa của ba miền

Miền VH	Thế mạnh giao lưu	Đặc điểm giao lưu
Bắc Bộ	Với văn hóa Trung Hoa	Từ đầu công nguyên, trong thế bị động và kéo dài
Trung Bộ	Với văn hóa Chăm	Từ thời Đại Việt, chủ yếu trong thế chủ động
Nam Bộ	Với văn hóa Khmer, Hoa, phương Tây	- Ngay từ khi hình thành đã giao lưu bình đẳng với văn hóa Khmer, Hoa - Muộn hơn một chút, trong thế bị động – với văn hóa phương Tây

Ở Bắc Bộ, văn hóa Trung Hoa mạnh hơn văn hóa Việt ở nhiều điểm nên đã góp phần cho sự phát triển văn hóa Việt. Ở Trung Bộ, văn hóa Chăm cũng có một số mặt mạnh nhất định nên cũng có góp phần phát triển văn hóa Việt. Nhưng ở Nam Bộ thì trong số ba nền văn hóa mà Nam Bộ có thế mạnh giao lưu chỉ có hai nền văn hóa có những mặt mạnh hơn văn hóa Việt, và do vậy có vai trò quan trọng trong việc phát triển văn hóa Việt là văn hóa Hoa và văn hóa phương Tây. Văn hóa Hoa trong giao lưu ở Nam Bộ không đồng nhất với văn hóa Trung Hoa trong giao lưu ở Bắc Bộ. Bắc Bộ giao lưu với văn hóa Trung Hoa bằng nhiều con đường (do kẻ xâm lược mang đến, do người Việt Nam đi sứ mang về hoặc qua học tập, đọc sách mà có được), và do vậy mang tính tương đối toàn diện. Còn văn hóa Hoa ở Nam Bộ chủ yếu giao lưu qua một con đường chính là do người Hoa di dân tỵ nạn mang đến. Nó có hai đặc điểm: Thứ nhất là người Hoa di dân tỵ nạn đến đất Nam Bộ với tư cách là nương nhờ nên giao lưu văn hóa diễn ra ở đây hoàn toàn bình đẳng chứ không có cái khệnh khạng của nước lớn hay cái kênh kiệu của kẻ xâm lăng như ở Bắc Bộ. Thứ hai là người Hoa di dân tỵ nạn đến Nam Bộ chủ yếu xuất phát

từ vùng ven biển Phúc Kiến, Quảng Đông là vùng chủ yếu mạnh về đi biển kinh doanh chứ không mạnh về học vấn hay làm ruộng.

Nam Bộ là cửa ngõ, nơi tiếp xúc đầu tiên với người phương Tây đến bằng đường biển. Nam Bộ là nơi thực dân Pháp trực tiếp cai trị trong suốt gần một thế kỷ và sau đó lại trực tiếp tiếp nhận ảnh hưởng của văn hóa Mỹ. Ảnh hưởng văn hóa văn minh phương Tây ở Nam Bộ, vì vậy, sớm hơn, lâu dài hơn và sâu đậm hơn so với Bắc Bộ và Trung Bộ.

1.3. Người Việt ở Nam Bộ vốn có gốc là những người nghèo khổ nhất, những kẻ trộm cướp tù tội bị truy nã, những trí thức bất đắc chủ yếu từ vùng Ngũ Quảng di dân vào – tất cả đều là những con người bán lĩnh, mạnh mẽ, ngang tàng. Họ là những con người *đương tính* nhất trong số những người Việt Nam âm tính.

Văn hóa Việt Nam vốn có tính *dân chủ* và *bao dung*. Môi trường tự nhiên ở Nam Bộ hào phóng, lúa gạo cây trái Nam Bộ dồi dào, giao thông sông nước Nam Bộ thuận tiện, thôn ấp Nam Bộ tổ chức theo lối mờ... đã khiến cho người Nam Bộ phát triển tư duy *mở thoáng*, có tính *dân chủ* và *bao dung* càng mạnh [Trần

Ngọc Thêm 2006; 2009]. Như vậy, văn hóa Nam Bộ có đủ các điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu và tiếp nhận những ảnh hưởng tích cực từ văn hóa Hoa và phương Tây phục vụ cho việc phát triển sức mạnh văn hóa vật chất và tinh thần của mình nói riêng và của văn hóa Việt Nam nói chung.

2. Giao lưu văn hóa ở Nam Bộ giúp phát triển sức mạnh vật chất

Như đã nói, sức mạnh vật chất mà một nền văn hóa có được phụ thuộc vào tiềm lực kinh tế và trình độ văn minh của nó.

2.1. Hiện nay, theo *Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009*, tổng số người Hoa ở Việt Nam là 823.071 người, trong đó hầu hết tập trung ở Nam Bộ với số lượng là 727.475 người, chiếm 88,4% [Dân số và Nhà ở 2010: 134-146]. Trong lịch sử Nam Bộ đã có năm nhóm người Hoa tới định cư, tất cả đều có nguồn gốc từ các vùng ven biển Đông-Nam Trung Hoa, xếp theo dân số và tầm quan trọng lần lượt là *Triều Châu, Phúc Kiến, Quảng Đông, Khách Gia* và *Hải Nam*.

Khác với người Khmer sống tập trung, người Hoa sống phân tán khắp nơi, chủ yếu ở các đô thị và thị tứ. Cũng do sự phân tán này mà sự hòa nhập văn hóa Hoa - Việt diễn ra toàn diện và sâu sắc hơn. Những nhóm người Hoa tỵ nạn chủ yếu gồm toàn đàn ông nên hiển nhiên là hầu hết đều lấy vợ người Việt. Số còn lại cũng lấy vợ lấy chồng người Việt rất nhiều. Thông qua quan hệ hôn nhân, người Việt và Hoa ở Nam Bộ đã góp phần tạo sự hòa nhập văn hóa để cùng tồn tại và phát triển.

Mang theo thói quen buôn bán của cư dân ven biển nam Trung Quốc đến Nam Bộ, trong một thời gian dài người Hoa là lực lượng chủ chốt trong việc kinh doanh các mặt hàng quan trọng

bậc nhất như lúa gạo, tạo nên một sự hợp tác dựa trên thế mạnh của mỗi tộc người, mà theo đó thì người Việt trồng lúa và người Hoa buôn gạo. Chính nhờ sự hợp tác này mà ngay từ thế kỷ XVIII, ở Nam Bộ đã *hình thành nhiều đô thị buôn bán sầm uất như Chợ Lớn, Biên Hòa, Hà Tiên, Mỹ Tho đại phố, thương cảng Bãi Xàu ở Sóc Trăng...*

Nhờ Nam Bộ có hàng hóa dồi dào và giao thông thuận tiện mà người Việt đã cùng người Hoa lập chợ búa, phố xá và phát triển nghề buôn. Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, *nghề kinh doanh buôn bán* đã được chính thức thừa nhận và phát triển rộng rãi ở Nam Bộ. Thế kỷ XVIII, vai trò chủ yếu thuộc về thương nhân người Hoa, nhưng *từ thế kỷ XIX, thương nhân Việt dần chiếm lĩnh thị trường*. Trong khi vua quan nhà Nguyễn vẫn còn coi buôn bán là “mạt nghiệp” thì nền *kinh tế hàng hóa* đã tự phát hình thành và phát triển mạnh ở Nam Bộ trước khi người Pháp tiến hành khai thác thuộc địa.

2.2. Trong ứng xử với phương Tây, văn hóa Nam Bộ có phong cách rất khác với hai miền Trung và Bắc. Cách ứng xử truyền thống của một nền văn hóa âm tính như Việt Nam trước loại hình văn hóa dương tính như phương Tây luôn là thái độ *dè dặt, nghi ngờ*, giống như thái độ của một người phụ nữ trước những người đàn ông xa lạ.

Song do là một miền văn hóa dương tính nhất, thoáng mở nhất, năng động nhất trong ba miền văn hóa Việt Nam, nên văn hóa Nam Bộ ngay từ đầu đã khá rạch ròi: Chuyện nào đi chuyện ấy. Ghét cái thói xâm lược của Tây thì rất ghét (so sánh những cuộc khởi nghĩa của Trương Công Định, Võ Duy Dương, Nguyễn

Hữu Huân, Nguyễn Trung Trực...), nhưng người Nam Bộ vẫn nhanh chóng nhận ra chỗ mạnh trong những giá trị văn hóa văn minh của họ và *hồ hởi tiếp thu nó một cách nhanh chóng, dứt khoát, rõ ràng*.

Khác hẳn với Bắc Bộ sống khép kín trong làng xã, Nam Bộ là nơi con người di chuyển nhiều. Cho nên phương tiện giao thông là cái được chú ý trước nhất.

Xe kéo tay du nhập vào Nam Bộ vào cuối thế kỷ XIX. *Xe đạp* (lúc đầu gọi là “xe máy”), xuất hiện ở Gò Công vào đầu năm 1917 thì ngay dịp tết năm ấy, ở đây đã tổ chức cuộc đua xe đạp đầu tiên trên toàn vùng Tây Nam Bộ. Chỉ ít năm sau, *xe lôi đạp* ra đời: người ta cắt bỏ gọng gỗ xe kéo tay, bắt đinh ốc hoặc hàn chặt xe kéo vào sườn xe đạp để chế thành xe lôi. Rồi sau đó đến lượt *xe hơi* xuất hiện. Chiếc xe hơi đầu tiên nhập vào Sài Gòn năm 1906. Tám năm sau, ở miệt vườn người ta đã gặp những ông điền chủ đội khăn xếp đen mặc áo dài, ra dáng nhà nho, ngồi sau tay lái xe hơi chạy băng băng với tốc độ 30 km/giờ.

Các loại xe đã đi vào đời sống người dân Nam Bộ thật hồ hởi, náo nức: “*Bước lên xe kéo, miêng réo xe hơi / Anh bảo em về sắm áo kim thời / Khăn rằn ri em đội, Cho kịp đời văn minh*” (ca dao). Cho kịp đời văn minh! Đó là một tuyên ngôn của dân chúng Nam Bộ về việc lựa chọn thể ứng xử với phương Tây. Văn minh phương Tây góp phần làm cho văn hóa dân tộc trở nên đẹp hơn, sang hơn: “*Gà nào hay bằng gà Cao Lãn / Gái nào bảnh bằng gái Sóc Trăng / Bước lên xe đầu đội khăn rằn / Nói cười yếu điệu nhiều chàng phải mê*”.

Dân Nam Bộ vốn rất chịu chơi. Một chàng trai nông dân đã mời một cô gái mình vừa mới làm

quen sau một cuộc hát hò và cao hứng hứa với cô ta: “*Hồ rồi ghé nhà qua chơi / Tôn hao qua chịu hết, mượn xe hơi đưa em về*”. “Công tử Bạc Liêu” Trần Trinh Huy sắm xe hơi Ford Vedette để đi đòi nợ các tỉnh, dùng chiếc xe hơi thể thao Peugeot để đi chơi; và nông hơn nữa, sắm máy bay để đi thăm đồng (xe hơi Peugeot và máy bay lúc bấy giờ cả miền Nam chỉ có hai chiếc mỗi loại, chiếc thứ hai của vua Bảo Đại).

Nhưng phương tiện giao thông hiện đại được nhắc đến với tần số cao nhất trong ca dao Nam Bộ chính là những *con tàu* chạy bằng máy hơi nước có sức chở lớn, tốc độ nhanh. Năm 1839, doanh nhân Đào Trí Phú đã giới thiệu tàu hơi nước vào Việt Nam. Những chiếc tàu sắt kéo theo một dây xà lan hoặc đoàn ghe chài chở khẳm lúa gạo, than, củi... từ bán đảo Cà Mau về các đô thị và ngược lên Sài Gòn - Chợ Lớn đã gây ấn tượng rất mạnh. Sau xe hơi và tàu sắt, tuyến *đường sắt* đầu tiên ở Đông Dương là tuyến đường xe lửa Sài Gòn - Mỹ Tho được khánh thành vào năm 1885.

2.3. Song việc tiếp thu văn minh phương Tây quan trọng nhất là trong lĩnh vực *kinh tế*. Ta hãy nghe Nguyễn Hiến Lê kể về việc này trong “Bảy ngày trong Đồng Tháp Mười”: “Từ sau Đại chiến, một số người nộp đơn xin khẩn đất, mỗi khoảnh hàng ngàn công [một công bằng 1.000 m²]. Chế độ đại tư bản bắt đầu len lỏi vào. Không đầy mười năm sau, nhà gạch nền đúc nối tiếp nhau mọc lên, ít nhiều ống khói làm đục một khoảng trời, tiếng máy xay lúa vang lên cùng với ca nô trong kinh... Hết thầy đều có vè vôi vàng và một số người bỏ làng lên Sài Gòn. Người ta bắt đầu thấy ngày ngắn mà công việc thì nhiều. Những năm 1928-1929,

lúa được giá, ghe hàng ngược xuôi trên rạch này suốt ngày, bán đủ đồ, từ phần sơn tới cà vạt, từ máy may tới máy hát... trong mười nhà thì bốn nhà có tiếng lách cách đập máy Singer. Quả là một thời cực thịnh” [Nguyễn Hiến Lê 1954/2002: chương IX].

Phải nhận rằng người Nam Bộ tiếp thu văn minh nhanh và có đầu óc làm ăn lớn. Ông Hội đồng Trần Trinh Trạch (cha công tử Trần Trinh Huy) là một trong bốn đại gia có công sáng lập ra ngân hàng *Sài Gòn Thương Tín*; trong những thương vụ xuất khẩu lúa gạo lớn của miền Nam lúc bấy giờ luôn có sự tham gia của ông. Việc nhập những phương tiện hiện đại như xáng xúc để đào kênh; máy bay để đi thăm đồng; mở nhà máy xay xát để chế biến; ca nô, tàu sắt để chuyên chở, v.v. đều là những quyết định hết sức táo bạo của người có đầu óc làm ăn lớn. Chính nhờ có những con người như thế mà việc sản xuất và xuất khẩu lúa gạo ở đồng bằng sông Cửu Long được nhanh chóng phát triển, tạo nên một nền *kinh tế hàng hóa* đầu tiên của Việt Nam. *Cơ chế thị trường* với một *xã hội tiêu dùng* ở quy mô chưa từng có được hình thành. Phạm Quỳnh vào thăm Nam Kỳ năm 1918 đã chép rằng những nhà cai tổng Nam Kỳ giàu đến mức một mình có mấy cái xe hơi đi trên bộ, mấy cái tàu máy chạy dưới nước, nhà to như lâu đài, không có dinh quan tổng đốc nào ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ to bằng, cách ăn ở cực kỳ xa xỉ phong lưu, mắt không trực tiếp nhìn thấy thì không thể nào tưởng tượng được [Phạm Quỳnh 1919]. Bước sang thời hội nhập toàn cầu, Nam Bộ cũng hội nhập nhanh hơn về tốc độ, nhiều hơn về lượng, sâu hơn về chất so với Bắc Bộ và Trung Bộ. Các quan hệ kinh doanh có yếu tố nước ngoài ở Nam Bộ nhiều nhất, sôi nổi nhất và hiệu quả

nhất (phần lớn các khu công nghiệp, khu chế xuất nằm ở Nam Bộ; các hình thức kinh doanh như quảng cáo, giao dịch qua ATM, v.v. phần lớn khởi đầu từ Nam Bộ). Quá trình từ con người hương thôn đi đến con người quốc tế, có thể thấy, đã khởi sự ở Nam Bộ sớm hơn, mở hơn và hiệu quả hơn.

Cũng nhờ có tính mở thoáng mà bên cạnh hệ thống *chợ truyền thống* vốn đã rất phong phú, người Việt ở Nam Bộ dễ dàng tiếp nhận và thích nghi với hình thức kinh doanh hoàn toàn mới là *siêu thị*. Vào đầu những năm 90 của thế kỷ XX, khi những siêu thị đầu tiên ra đời ở Tp. Hồ Chí Minh và Nam Bộ, nhiều người đã hoài nghi tự hỏi: “Liệu có khách không?” Ấy vậy mà mô hình cửa hàng tự chọn này đã nhanh chóng được người dân chấp nhận và 3-4 năm sau đã lan ra Hà Nội. Trong khi mức độ làm quen với siêu thị của người dân các địa phương miền Bắc diễn ra rất chậm chạp thì ở phương Nam, không chỉ người Sài Gòn mà ngay cả những người nông dân chân đất chất phác ở những vùng quê Tây Nam Bộ xa xôi cũng rất thích “đi chơi siêu thị”, mua hàng ở siêu thị. Có người đã lý giải rằng, nguyên nhân của sự thích nghi nhanh chóng này là do siêu thị hiện nay rất giống với tiệm chạp phô một trăm năm trước của người Hoa, có khác chăng “chỉ là ở chữ *Super Market* hoặc *Mart* hết sức Tây” [Hồng Hạnh 2008: 61].

Sự giao lưu với văn hóa Hoa và phương Tây đã giúp nâng cao hơn trình độ văn minh ở Nam Bộ, từng tạo nên một Sài Gòn – hòn ngọc Viễn Đông, tạo nên một ý thức pháp luật, phát huy tiềm năng kinh tế nông nghiệp trước đây ở Tây Nam Bộ và tiềm năng kinh tế công nghiệp hiện

nay ở Đông Nam Bộ; qua đó phát triển văn hóa đô thị, văn hóa kinh tế, văn hóa tiêu dùng...

3. Giao lưu văn hóa ở Nam Bộ giúp phát triển sức mạnh tinh thần

Sức mạnh tinh thần mà một nền văn hóa có được có thể là do nó có khả năng tổ chức tốt, khả năng ứng xử tốt, vốn nhận thức và kinh nghiệm phong phú.

3.1. Tiếp xúc với người Hoa trong việc làm ăn, người Việt ở Nam Bộ đã học được ở họ cách buôn bán *chịu thương chịu khó* và cách kinh doanh *lấy chữ Tín làm đầu*. Khi mới tới Nam Bộ, phần đông người Hoa khởi nghiệp bằng các nghề buôn bán nhỏ như bán tạp hóa, bán hàng rong, bán đồ ăn, thu mua “ve chai lông vịt”... Các tiệm chạp phô của bà con Hoa kiểu bán đủ mọi thứ, có mặt khắp đầu làng cuối ngõ trong các thôn ấp. Họ sẵn sàng bán chịu, ghi sổ nợ cho phép người mua đến mùa trả sau, miễn là chịu chấp nhận trả một khoản tiền lãi như vay nợ. Người Hoa thì vừa “tiếp thị” giỏi, vừa chịu khó lượm bạc cắc nên họ đã cần cù gom góp, dành dụm từ những khoản tiền nhỏ để phát triển lên kinh doanh lớn. Điều cốt lõi xuyên suốt tất cả mọi hoạt động của người bán và người mua là *chữ tín*.

Sau người Hoa là gần 100 năm tồn tại dưới sự cai trị và khai thác của người Pháp. Với tư duy mở thoáng, người Nam Bộ đã học hỏi được phần nào tư duy *phân tích*, lối sống *năng động*, văn hóa *ứng xử* theo pháp luật, văn hóa *tổ chức* làm ăn theo *kinh tế thị trường* như những sản phẩm tất yếu của nền văn hóa trọng động phương Tây. Trong một môi trường kinh tế mà hoạt động thương mại, giao lưu buôn bán diễn ra với cường độ lớn, tính mở thoáng và tư duy nhạy bén với thị trường đã thấm vào cách nghĩ của không chỉ của các điền chủ hay

dân thương hồ mà ngay cả những người nông dân chất phác, sống ở ven các kinh rạch cũng có được phẩm chất này.

Người Việt vùng Tây Nam Bộ đã áp dụng rất thành công tất cả những gì đã học hỏi được để tạo nên một môi trường kinh doanh nhạy bén, coi trọng khách hàng, giữ được chữ Tín, và có khả năng nhanh chóng nắm bắt được nhu cầu của người tiêu dùng để mở ra nhiều loại dịch vụ thích hợp. Trong khi văn hóa Việt Nam truyền thống coi nghề phục vụ là hạ cấp, còn những nơi bán hàng đã gây dựng được ít nhiều uy tín chất lượng thì lại có tâm lý cửa quyền, coi thường khách hàng (kiểu các quán “phở quát, phở chửi” ở Hà Nội), thì ở Nam Bộ, người Việt đã sớm gây dựng được quan niệm kinh doanh dịch vụ coi “khách hàng là Thượng đế” với tác phong phục vụ nhanh lẹ, niềm nở chu đáo, kiên nhẫn... Trong khi thương mại Việt Nam truyền thống quen kinh doanh chạp giật thì người Nam Bộ đã sớm học được nguyên tắc làm ăn cốt ở chữ Tín... Đó đều là những biểu hiện rõ nét của tính mở thoáng trong việc học hỏi văn hóa kinh doanh của người Hoa và văn hóa kinh tế thị trường của phương Tây.

Với một triết lý rõ ràng, người Nam Bộ luôn biết rõ mình thiếu gì để trong giao lưu văn hóa sẽ chọn tiếp thu. Họ không thích lối học khoa cử, từ chương nhưng rất tự nguyện mày mò học hỏi về kỹ thuật để trở thành những “kỹ sư Hai Lúa”.

Chữ Hán khó học nên người Nam Bộ chuyển sang dùng chữ Quốc ngữ sớm nhất nước: “*Giấy Tây bán mấy / Mua lấy một tờ / Đề thơ quốc ngữ / Dán lên trái bưởi / Thả xuống giang hà /*

*Cả kêu người nghĩa trong nhà / Xuống sông vớt
buổi lên mà xem thơ”; “Làm thơ Quốc ngữ để chữ
tân trào / Thứ tư tàu lại gọi vào thăm em”; “Làm
thơ quốc ngữ / để chữ Lang Sa / Mươi giờ xe lại
bỏ qua thăm chàng”.*

Truyền thống văn chương Việt Nam toàn thơ không phù hợp với cuộc sống sôi động, nên người Nam Bộ nhanh chóng tiếp nhận nghệ thuật tiểu thuyết cũng sớm nhất nước. Trong lĩnh vực tiểu thuyết dịch, người Nam Bộ không chuyên ngữ theo từng câu từng chữ mà chỉ chú trọng tìm cảm hứng từ những cốt truyện của các tiểu thuyết phương Tây rồi phóng tác để tạo nên những nhân vật và cảnh sắc mang hoàn toàn tính cách và tâm hồn Việt. Chính nhờ theo cách đó mà nhà văn Tây Nam Bộ Hồ Biểu Chánh đã phóng tác rất thành công *Ngọn cỏ gió đùa* từ “Những người khôn khổ” của Victor Hugo, *Cay đắng mùi đời* từ “Không gia đình” của Hector Malot, *Chúa tàu Kim Quy* từ “Bá tước Monte Cristo” của Alexandre Duma, v.v.

Cuộc sống ở nông thôn miền Bắc khép kín trong lũy tre làng, trong khi với cuộc sống “xuống biển lên nguồn”, người Nam Bộ rất hiểu vai trò của nghề báo chí như một sáng tạo của văn hóa phương Tây, vì vậy báo chí cũng được Nam Bộ tiếp nhận sớm nhất nước và đến nay, Tp. Hồ Chí Minh vẫn là trung tâm báo chí của cả nước.

3.2. Điều đáng chú ý là người Tây Nam Bộ tiếp thu văn minh phương Tây có thể nói là khá ồ ạt, song không hề thiếu cân nhắc, và điều quan trọng là họ không có tâm lý “*có mới nói cũ*”. Vẫn là cái phong cách mạnh mẽ rạch ròi của người Tây Nam Bộ: “mới thì rất mới mà cũ thì cũng rất cũ”. Cái mới không thay thế mà chỉ để bổ sung những gì

mình còn thiếu, khiến cho văn hóa của mình hoàn thiện hơn.

Trong các câu ca dao: “*Gà nào hay bằng gà Cao Lanh / Gái nào bảnh bằng gái Sóc Trăng / Bước lên xe đầu đội khăn rằn / Nói cười yếu điệu nhiều chàng phải mê*”; “*Bước lên xe kéo, miêng réo xe hơi / Anh báo em về sắm áo kim thời / Khăn rằn ri em đội, Cho kịp đời văn minh*” đã nhắc đến ở trên, sự kết hợp giữa cái bản địa truyền thống với cái hiện đại phương Tây rất rõ nét: Cô gái Sóc Trăng “bảnh” khi cô biết “*bước lên xe*” nhưng vẫn “*đội khăn rằn*”. Chàng trai bảo người yêu “*về sắm áo kim thời... cho kịp đời văn minh*” nhưng vẫn không quên nhắc “*khăn rằn (ri) em đội*”.

Trong “*Bảy ngày trong Đồng Tháp Mười*”, Nguyễn Hiến Lê nói đến “*những ông già búi tóc mà đội nón Tây*”, “*có người còn mặc một chiếc áo dài ta, một chiếc quần Tây, đầu đội khăn đóng mà chân đi giày ban... Họ nửa theo mới, nửa theo cũ; mới thì rất mới mà cũ thì cũng rất cũ*”. Nguyễn Hiến Lê kể chuyện một nhà nho, một nhà cách mạng Tây Nam Bộ, cho con qua Pháp học 8-9 năm đậu bằng kỹ sư về nước gặp lúc khủng hoảng kinh tế, không có việc làm. Ông bắt con đi chăn bò và cậu kỹ sư không dám trái lời cha, phải đội nón lá, bận bộ đồ bà ba đen, cầm roi đi chăn bò. Cái mới ở đây là nhà cách mạng, là cho con đi Pháp học, là kỹ sư. Cái cũ ở đây là nhà nho, là tư tưởng cứng về trách nhiệm lao động, là nền nếp gia phong con không được trái lời cha. Một ông hương cả có con đã đỗ tú tài Tây nay phải học thêm chữ Hán để đọc được sách Tàu. Những gia đình này coi trọng cả Nho học lẫn Tây học: Tây học là con đường kiếm danh và lợi, còn

Nho học giúp đào luyện nhân cách [Nguyễn Hiến Lê 1954/2002: chương IX].

Công tử Bạc Liêu Trần Trinh Huy tuy từng du học ở Tây, thuê thư ký người Tây, lấy vợ Tây, có đầu bếp Tây, nhưng lại khoái nghe đờn ca tài tử, xem cải lương, ăn mắm ba khía. Khi lên Sài Gòn, cậu Ba Huy ở cạnh nhà phó tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ, những người đến nhà cậu Ba đều được lính bên phủ phó tổng thống xét đồ, và muôn lần như một, khi xét giỏ người nhà dưới Bạc Liêu lên thăm cậu Ba thấy trong giỏ có mắm ba khía, tụi lính đều nhăn mặt: “Mẹ, công tử thứ thiệt gì mà ăn đồ thú vị dzậy, bộ hết chuyện chơi nông hã!” [Hồng Hạnh 2008: 115]. Một cuộc điều tra mới đây của nhóm chúng tôi khi thực hiện đề tài nghiên cứu về văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ cho thấy trong số 1.405 người được hỏi là thích xem phim nước nào thì có tới 71,7% người Tây Nam Bộ trả lời là thích xem phim Việt Nam; 54,1% thích xem phim Trung Quốc / Hồng Kông; 33,4% thích xem phim Hàn Quốc; chỉ có 12,9% thích xem phim phương Tây.

Chính cái tinh thần “việc nào đi việc ấy” của văn hóa Nam Bộ như một thể ứng xử trong thời buổi giao lưu văn hóa đã giúp người Nam Bộ, trong khi tiếp thu rất tốt văn hóa phương Tây thì vẫn bảo tồn được gìn giữ được nhiều nét đẹp của văn hóa truyền thống như đạo đức xã hội, nề nếp gia phong... trải qua bao giông bão của văn minh và hai cuộc chiến tranh; khiến cho sau năm 1975, những người miền Bắc vào Nam đều hết sức ngạc nhiên và thú vị khi thấy các em nhỏ vẫn khoanh tay thật tròn trước cha mẹ, ông bà và khách khứa mỗi khi ra khỏi nhà hoặc đi đâu về: “*Thưa má con mới đi học dzê*”. Tiếc rằng sau năm 1975 nhiều

nét đẹp ấy đã bị phá vỡ để rồi bây giờ ta đang rất khó khăn trong việc gây dựng lại...

4. Kết luận

Việt Nam hiện nay đang nằm trong giai đoạn chuyển tiếp từ văn hóa nông thôn sang văn hóa đô thị, từ văn hóa nông nghiệp sang văn hóa công nghiệp, từ văn hóa trọng tĩnh sang văn hóa trọng động, từ văn hóa thuần Đông phương sang văn hóa hội nhập với Tây phương.

Trong bối cảnh đó, văn hóa Nam Bộ, với những thế mạnh và đặc điểm trong quá trình giao lưu văn hóa của mình, có khá nhiều ưu thế: Trong khi vẫn chất lọc được những nét tinh túy của văn hóa truyền thống, người Nam Bộ lại sớm tiếp nhận được những điểm từ văn hóa Hoa và phương Tây phù hợp cho sự phát triển và làm tăng sức mạnh văn hóa vật chất và tinh thần. Về một số mặt, có thể coi văn hóa Nam Bộ là là mắt xích trung gian giữa văn hóa Việt Nam truyền thống và văn hóa phương Tây.

Dùng hệ thống năm đặc trưng bản sắc của văn hóa Việt Nam truyền thống mà chúng tôi đã xây dựng [Trần Ngọc Thêm 2001; 2011] làm gốc để soi vào, ta có thể thấy vị trí của văn hóa Nam Bộ như trình bày trong bảng 2.

Với ý nghĩa đó, văn hóa Nam Bộ và sự giao lưu văn hóa ở Nam Bộ lâu nay đã đóng vai trò của một nhân tố thúc đẩy và tăng cường tính hiệu quả trong sự phát triển và hiện đại hóa văn hóa truyền thống Việt Nam.

Bảng 2. Văn hóa Nam Bộ trong quan hệ với văn hóa truyền thống Việt Nam và phương Tây
(Trần Ngọc Thêm 2009)

Văn hóa VN truyền thống	Văn hóa Nam Bộ	Văn hóa phương Tây
Tính cộng đồng	Tính cộng đồng thấp	Tính cá nhân
Tính ưa hài hòa	Tính ưa hài hòa (nhưng đôi lúc cũng cực đoan)	Tính cực đoan
Tính trọng âm	Chất dương tính cao hơn	Tính trọng dương
Tính tổng hợp	Tính tổng hợp thấp	Tính phân tích
Tính linh hoạt	Tính năng động	Tính nguyên tắc

CULTURAL EXCHANGE IN NAMBO AND ITS ROLE IN THE DEVELOPMENT OF THE CULTURE OF VIETNAM

Tran Ngoc Them

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT: *The paper begins with the addition of some fundamental concepts used as a theoretical basis for the study of cultural exchanges such as the level of exchanges (strong / weak), the conditions for the openness level of a culture, the power structure of a culture (material power, mental power), etc. Together with the characteristics of the subject, the time and space of the Nambo culture, factual basis is the strength and characteristics of cultural exchanges of the three regions (of Vietnam).*

In the context of the period of cultural transition from Vietnam's rural culture to urban culture, from agricultural culture to industrial culture, the Nambo culture has quite a few advantages. Cultural exchange in Nambo helps develop physical strength, especially in the field of economic culture and traffic culture; cultural exchange in Nambo also helps develop mental strength in the field of organizational culture, educational culture, communicative culture, behaving culture, etc.

For some aspects, the Nambo culture can be considered the intermediary chain link between Vietnamese traditional culture and Western culture. In this sense, the Nambo culture and cultural exchange in Nambo have played the role of a key factor in promoting and enhancing the efficiency of the development and modernization of Vietnam's traditional culture.

Key word: *cultural exchanges, Nambo/ Mekong delta, the development of Vietnam's culture.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Dân số và Nhà ở 2010, *Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam năm 2009: Kết quả toàn bộ*, Tổng cục Thống kê, 893 tr.
- [2]. Hồng Hạnh, *Dấu xưa Nam Bộ* (ghi chép - sưu khảo), tái bản có sửa chữa và bổ sung. - Tp. HCM: Nxb văn nghệ, 195 tr. (2008).
- [3]. Nguyễn Hiến Lê 1954/2002: *Bảy ngày trong Đồng Tháp Mười*. - Sài Gòn, Nxb Ban Mai, 1954. / H.: Nxb Văn hóa Thông tin, (2002).
- [4]. Phạm Quỳnh 1919: *Một tháng ở Nam kỳ*, Tạp chí Nam Phong, phamquynh.wordpress.com/2009/02/20/mot-thang-ở-nam-ky/
- [5]. Trần Ngọc Thêm, *Bản sắc văn hóa Việt Nam trước ngưỡng cửa thiên niên kỷ mới*, Văn hóa Việt Nam – đặc trưng và cách tiếp cận” (Lê Ngọc Trà Chủ biên), Nxb Giáo dục (2001).
- [6]. Trần Ngọc Thêm, *Tính cách văn hóa Nam Bộ*, Đồng bằng sông Cửu Long: thực trạng và giải pháp để trở thành vùng trọng điểm phát triển kinh tế giai đoạn 2006-2010, NXB ĐHQG Tp. HCM, (2006).
- [7]. Trần Ngọc Thêm, *Tính cách văn hóa Nam Bộ như một hệ thống*, Một số vấn đề lịch sử vùng đất Nam Bộ thời kỳ cận đại” (Kỷ yếu hội thảo khoa học), Nxb Thế giới, 205-218 (2009).
- [8]. Trần Ngọc Thêm, *Sự chuyển đổi hệ giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam*, Tạp chí “Văn hoá - nghệ thuật”, số 1, 4-8 và số 2, 4-9 (2011).